

ƠN VỊ TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU
NĂM 2015- 2016



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME

2016





THÔNG ĐIỆN TỪ HĐQT

ÔNG LÊ ĐÌNH NGỌC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các Quý Cổ đông, Khách hàng, và Đồng nghiệp!

Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP 6,2%, tuy thấp hơn mục tiêu Chính phủ đặt ra nhưng vẫn nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất thế giới. Những yếu tố bên ngoài cũng đã tác động không nhỏ đến kinh tế Việt Nam. Theo đó, thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2016 đã trải qua nhiều biến động và thách thức, tuy nhiên VN-Index đã kết thúc năm với mức tăng 14,8% yoy, vượt trội so với hai năm trước đó.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (MSI) đã đánh dấu những bước tiến vững chắc trên thị trường chứng khoán trong năm 2016. MSI tiếp tục được vinh danh trong bảng xếp hạng **"Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại HNX"** và **"Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2015-2016"** tại diễn đàn **M&A Việt Nam**. Bên cạnh đó, MSI đã bảo lãnh và phát hành thành công hơn 3.100 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi. Các thành tích trên đã phần nào nói lên những cố gắng, nỗ lực của MSI trong năm vừa qua.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2016 đã trải qua những thăng trầm nhất định và ghi nhận mức điểm số đáng kể. Tuy nhiên sang năm 2017, thị trường chứng khoán được nhận định sẽ đón nhận rất nhiều cơ hội mới cũng như thách thức. Cơ hội có thể đến từ những cổ phiếu tên tuổi, những ngành nghề then chốt trong nền kinh tế, thậm chí là đại diện cho những ngành chưa từng có công ty nào niêm yết trên thị trường. Mặc dù vậy, thách thức cũng sẽ không ít, buộc các đối tượng tham gia thị trường phải sẵn sàng đối mặt và vượt qua thử thách để tồn tại và phát triển.

Đối với MSI, năm 2017 là thời điểm quan trọng để hiện thực hóa các ý tưởng mới, nắm bắt những vận hội mới trên chặng đường phát triển của mình.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới tất cả Quý Khách hàng và Đối tác của Công ty, những người đã, đang và sẽ luôn sát cánh, chia sẻ những khó khăn và thành công với chúng tôi trong suốt những năm qua và trong tương lai, cảm ơn các bạn Đồng nghiệp vì những đóng góp tích cực và sáng tạo của các bạn vì sự phát triển của MSI. Tôi tin rằng MSI sẽ là nơi để tất cả Quý vị tiếp tục đặt niềm tin và tạo dựng thành công.

Trân trọng!

Lê Đình Ngọc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Sứ mệnh của chúng tôi là tạo ra một môi trường đầu tư thuận tiện, chuyên nghiệp cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức cũng như mang tới các giải pháp tài chính tối ưu cho khách hàng doanh nghiệp.

GIỚI THIỆU CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (“MSI”) là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp tại Việt Nam, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng trong lĩnh vực chứng khoán. Chúng tôi cung cấp Dịch vụ Chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư chuyên nghiệp cho các Khách hàng gồm các doanh nghiệp, nhà đầu tư tổ chức và các nhà đầu tư cá nhân.

Được thành lập vào năm 2008, MSI có Trụ sở chính tại Hà Nội và hai chi nhánh tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Với đội ngũ khoảng 140 nhân sự được đào tạo bài bản, trong đó có 80 broker và 10 chuyên viên tư vấn IB, thương hiệu Chứng khoán MSI ngày càng được khẳng định.

Năm 2015 & 2016, MSI đã vào **Top 10 thị phần môi giới tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) & Upcom** và **Top 10 thị phần môi giới trái phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX)**. **Diễn đàn M&A vinh danh MSI với giải thưởng “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu hai năm liên tiếp 2015 & 2016”.**

TÂM NHÌN & GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chúng tôi nỗ lực trở thành một trong các công ty chứng khoán có chất lượng tốt nhất tại Việt Nam, trên cơ sở cam kết theo các giá trị và triết lý cốt lõi:

- **Hướng tới khách hàng (Clients first):** luôn luôn lắng nghe và ưu tiên mọi nhu cầu của khách hàng.
- **Sáng tạo (Creativity):** khuyến khích sự sáng tạo và luôn hướng đến những ý tưởng mới nhằm không ngừng mang tới cho các khách hàng những sản phẩm thông minh, có giá trị.
- **Tận tâm (Diligence):** theo đuổi để hoàn thành công việc được giao, để tâm tới những chi tiết nhỏ nhất.
- **Chuyên nghiệp (Professionalism):** thiết lập các chuẩn mực chuyên nghiệp theo các thông lệ tiên tiến và tuân thủ các chuẩn mực trong mọi hành động.
- **Chính trực (Integrity):** trung thực và chân thành trong những việc chúng ta làm.
- **Tinh thần đồng đội (Teamwork):** tôn trọng mỗi cá nhân và sự đóng góp của từng cá nhân đối với thành công chung.



THÔNG TIN PHÁP LÝ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (“MSI”) được thành lập theo **Quyết định số 35/GPĐC-UBCK** ngày 07/08/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đổi tên và bổ sung nghiệp vụ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard (được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 77/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/6/2008).

Với vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng, MSI được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ theo quy định:

Môi giới Chứng khoán

Tự doanh Chứng khoán

Bảo lãnh Phát hành Chứng khoán

Tư vấn Đầu tư Chứng khoán

Dịch vụ Giao dịch Ký quỹ Chứng khoán

Dịch vụ Ủy thác Tài khoản Giao dịch Chứng khoán

ĐỊA CHỈ CÔNG TY

Website: <http://www.msi.com.vn/>

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 1&3, Sky City Tower Láng Hạ,
88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Tel: (844) 3776 5929 - Fax: (844) 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 9, TNR Tower Hoàn Kiếm,
115 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (844) 3776 5929 - Fax: (844) 3822 3131

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Tel: (848) 3521 4299 - Fax: (848) 3914 1969

CÁC MỐC THỜI GIAN

2008

Tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard (“SSJ”), SSJ thành lập giữa 2008 với Giấy phép hoạt động kinh doanh số 77/UBCK – GPĐKD của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày **11/06/2008**.

Với **số vốn ban đầu là 35 tỷ đồng**, SSJ là công ty chứng khoán duy nhất đặt trụ sở tại TP. Vũng Tàu, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán.

2010

SSJ chính thức tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

UBCKNN chấp thuận bổ sung thêm nghiệp vụ Tự Doanh, Tư Vấn Tài Chính và Bảo Lãnh Phát Hành cho SSJ.

2011

SSJ chính thức ký **hợp tác chiến lược toàn diện với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB”)**.

Tháng 03/2011, SSJ **đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (“MSBS”) và chuyển trụ sở chính từ Thành phố Vũng Tàu ra Hà Nội.**

2012

Trở thành đối tác của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước (“SCIC”) và Công ty Mua Bán Nợ (“DATC”) trong việc tư vấn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

Tháng 05/2012, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT mới: Ông Lê Đình Ngọc, một chuyên gia tài chính với trên 16 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán và tài chính ngân hàng.

Tháng 12/2012, tách bạch và khai trương Sở Giao dịch MSI khang trang, hiện đại, thuận tiện cho nhà đầu tư tại Tầng 1, Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, HN.

2013

Tháng 01/2013, bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới: Ông Mạc Quang Huy, một chuyên gia tài chính với trên 18 năm kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam.

Tháng 03/2013, triển khai chương trình bán chéo với Ngân hàng MSB, thông qua các khách hàng của MSB có thể đến các Trung Tâm Khách hàng Cá nhân của MSB để được tư vấn và mở tài khoản giao dịch chứng khoán với MSI.

Tháng 04/2013, triển khai thành công phần mềm Core mới do một nhà cung cấp uy tín được kiểm nghiệm tại thị trường Việt Nam, ra mắt hệ thống giao dịch hiện đại kèm theo các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ chứng khoán hàng đầu.

Tháng 05/2013, kết nối thành công Core của MSI với Ngân hàng MSB, theo đó việc chuyển tiền hai chiều giữa tài khoản chứng khoán MSI và tài khoản ngân hàng MSB được thực hiện theo thời gian thực (real time).

Tháng 06/2013, triển khai thành công bảng giá trực tuyến MS-Quote dựa trên nền công nghệ đẩy dữ liệu hiện đại nhất.

Tháng 07/2013, khai trương Chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại địa chỉ Tầng 2, Tòa nhà TNR Tower, 182-190 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Tháng 10/2013, hoàn thiện Giai đoạn II của hệ thống phần mềm Core Trading, theo đó cung cấp thêm nhiều tiện ích trực tuyến hoàn chỉnh như giao dịch trực tuyến qua di động (MS-Mobile), mở tài khoản trực tuyến (MS-Open), giao dịch trực tuyến tại nhà với phần mềm siêu tốc (MS-ProTrading).

CÁC MỐC THỜI GIAN (tiếp theo)

Tháng 01/2014, hoàn thành việc tách bạch hoàn toàn tài khoản nhà đầu tư thông qua việc kết nối với Ngân hàng BIDV, đáp ứng yêu cầu của UBCK cũng như tạo niềm tin đối với khách hàng có nhu cầu.

Tháng 04/2014, khai trương Trung tâm Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IBD) tại TP HCM nhằm cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính có chất lượng cao cho các khách hàng doanh nghiệp và tạo hàng trên thị trường sơ cấp.

Tháng 05/2014, khai trương Chi nhánh Hà Nội địa chỉ Tầng 9, Tòa nhà TNR Tower, 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội nhằm tạo điều kiện cho các khách hàng tại các quận trung tâm Thủ đô.

Tháng 08/2014, khai trương Trung tâm Khách hàng Tổ chức (ICC) tại Chi nhánh TP HCM nhằm phục vụ các khách hàng định chế tài chính, các quỹ đầu tư và các cá nhân nước ngoài.

Tháng 10/2014, hoàn thành việc kết nối chuyển tiền 2 chiều theo thời gian thực "real time" và 24/7 với 2 ngân hàng lớn BIDV và Vietcombank nhằm tạo điều kiện thuận lợi giao dịch tiền cho các khách hàng.

Tháng 11/2014, hoàn thành việc tách bạch số dư tài khoản tiền giữa MSI và MSB, theo đó khách hàng quản lý tài khoản tiền tại Ngân hàng MSB nhưng vẫn dùng được các sản phẩm đòn bẩy tài chính. Đây là một sản phẩm sáng tạo, độc đáo trên thị trường đáp ứng đồng thời nhu cầu tách bạch tài khoản và nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính.

Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về quy mô kinh doanh mảng Dịch vụ chứng khoán. Cụ thể **số lượng tài khoản chạm ngưỡng 30.000 tài khoản**. Thị phần chạm đạt 2,5%, đứng **vị trí 15 tính theo giá trị trên cả hai Sở Giao dịch chứng khoán HSX và HNX**. Năm 2014, MSI được HSX vinh danh là **Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2014**.

Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về thành tích Tư vấn Dịch vụ IB. Cụ thể, MSI huy động thông qua tư vấn, dựng sổ, bảo lãnh phát hành cho trên 12 ngàn tỷ đồng vốn trái phiếu cho các doanh nghiệp.

Chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán Maritime "MSI" theo quyết định điều chỉnh Số 35/GPDC-UBCK vào ngày 7 tháng 8 năm 2015.

Lọt vào **Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại HNX** từ Quý 3/2015, **Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại sàn Upcom** và **Top 10 thị phần môi giới trái phiếu tại HSX**. Diễn đàn M&A 2015 vinh danh MSI với giải thưởng "**Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2014 – 2015**" vào tháng 8/2015. MSI tiếp tục được HSX vinh danh là **Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2015. Quản lý trên 51.000 tài khoản**.

Trở thành công ty đại chúng vào tháng 5/2016.

Duy trì vị trí **Top 10 môi giới trên Sở GDCK Hà Nội** cho cả năm 2016.

Diễn đàn M&A 2016 tiếp tục vinh danh MSI với giải thưởng "**Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2015-2016**" vào tháng 8/2016.

MSI đang trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.

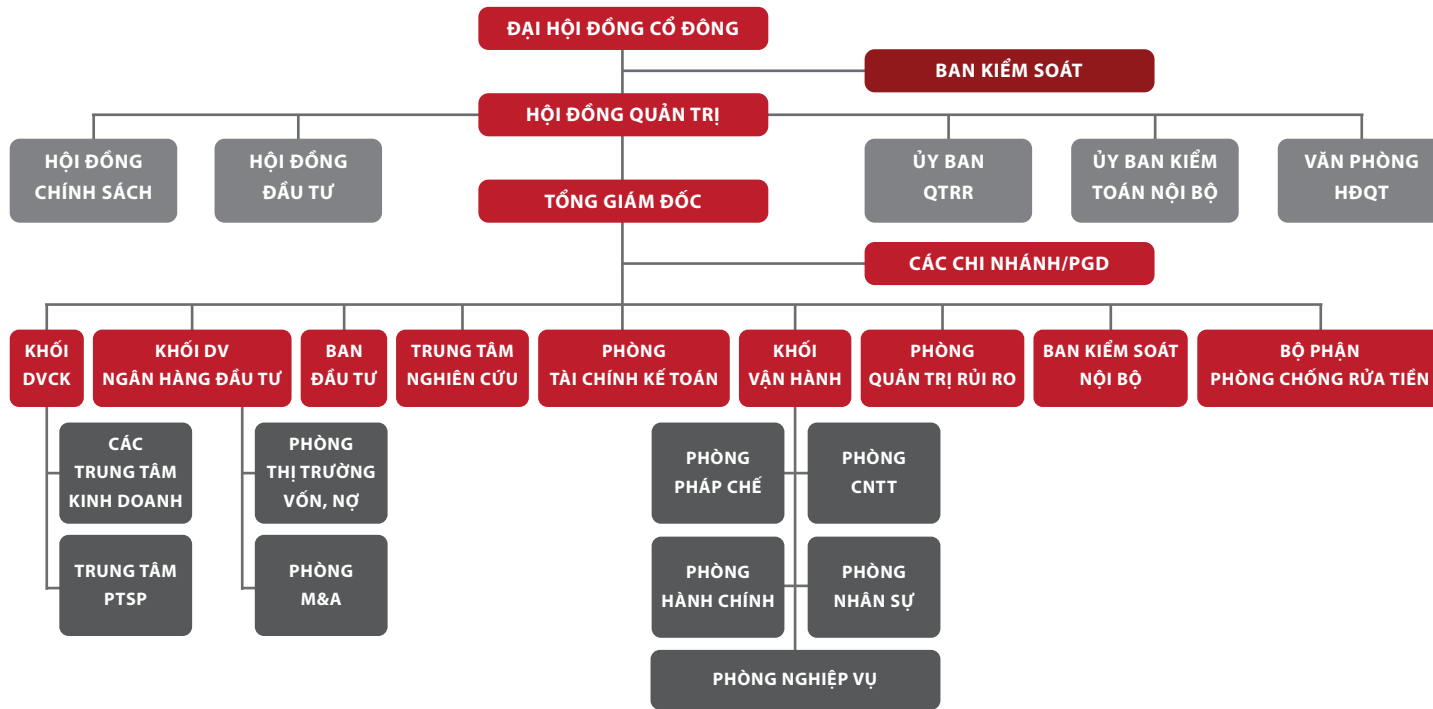
2014

2015

2016

THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÔ HÌNH TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với mục tiêu giữ vững vị thế là định chế tài chính hàng đầu ở thị trường Việt Nam và nỗ lực vươn ra thị trường quốc tế, MSI sẽ tiếp tục không ngừng đổi mới trong cách vận hành cũng như đa dạng hóa sản phẩm. Khách hàng sẽ luôn là trọng tâm của Công ty với cam kết gắn bó lâu dài và hợp tác cùng phát triển. Nhiều giải pháp công nghệ sẽ được đưa để gia tăng tiện ích cho khách hàng cũng như nhà đầu tư. MSI cũng sẽ tiếp tục tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường; tạo ra một môi trường làm việc mà ở đó mỗi cá nhân được khám phá và phát huy mọi năng lực của mình để đóng góp một cách tốt nhất cho Công ty. MSI sẽ tiếp tục kiểm soát chi phí chặt chẽ cũng như quản trị rủi ro để nâng cao hiệu quả tài chính. MSI tin rằng việc kết hợp giữa xây dựng một thương hiệu uy tín và vận hành theo quy chuẩn sẽ giúp tối đa hóa lợi ích cổ đông.

CÁC RỦI RO

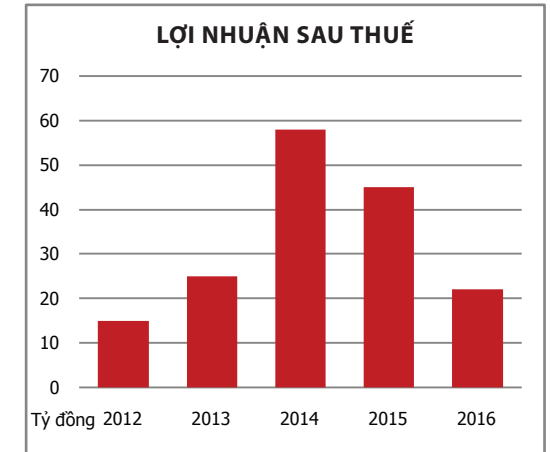
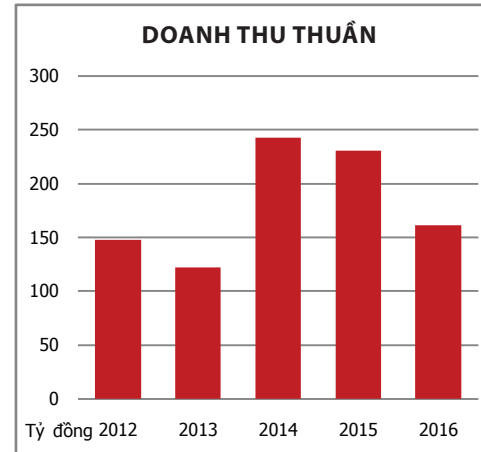
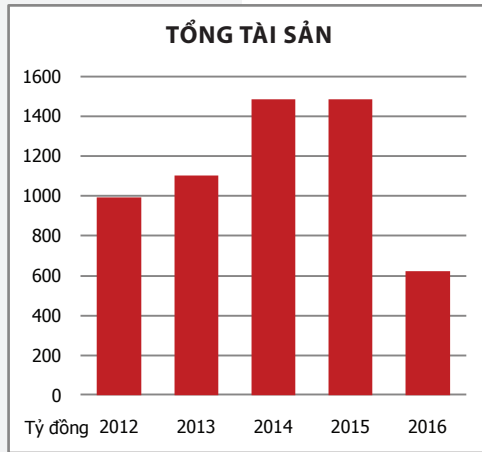
Rủi ro là một phần không thể thiếu của cuộc sống và của thị trường chứng khoán. Rủi ro là khả năng xảy ra những vấn đề có thể gây thiệt hại hoặc mang đến những kết quả không mong muốn. Tại MSI, chúng tôi nhận thức rõ ràng về các loại rủi ro để phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của các rủi ro đến hoạt động của công ty.

Rủi ro kinh tế: sự biến động của kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất... luôn ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới thị trường chứng khoán, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động của công ty chứng khoán nói chung và MSI nói riêng. MSI luôn theo dõi, bám sát các diễn biến kinh tế, thị trường để đưa ra các quyết sách phù hợp nhất.

Rủi ro về pháp lý: hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, MSI chịu sự chi phối trực tiếp bởi hệ thống pháp luật liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đầu tư, Luật thuế thu nhập cá nhân... MSI đã xây dựng hệ thống quy trình cũng như các bộ phận kiểm tra giám sát để giảm thiểu các rủi ro về mặt pháp luật có thể xảy ra đối với công ty.

Rủi ro cạnh tranh: sau thời gian tái cấu trúc mạnh mẽ hoạt động các công ty chứng khoán của UBCKNN, thị trường vẫn còn khoảng trên 80 công ty chứng khoán. Với số lượng công ty chứng khoán đông đảo như vậy, mức độ cạnh tranh giữa các công ty là tương đối gay gắt. MSI đã và đang nỗ lực tối đa để tạo ra các sản phẩm cạnh tranh nhất trên thị trường.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



KHẢ NĂNG SINH LỜI, KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Cơ cấu tài sản		Đơn vị	2014	2015	2016
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%		8	1	4
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%		92	99	96
Cơ cấu nguồn vốn		Đơn vị	2014	2015	2016
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%		72	69	22
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%		28	31	78
Khả năng thanh toán		Đơn vị	2014	2015	2016
Khả năng thanh toán nhanh	Lần		2.0	1.4	2.0
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần		2.7	1.5	4.3
Tỷ suất lợi nhuận		Đơn vị	2014	2015	2016
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%		3.9	3.0	3.5
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%		13.8	9.7	4.6
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%		23.8	19.4	13.7

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (CP), TRÁI PHIẾU (TP)

STT	Cơ cấu tài sản	Đơn vị	2014	2015	2016
1	Cổ phiếu thường (10.000VNĐ/CP)	CP	30.000.000	30.000.000	30.000.000
2	Trái phiếu phát hành (1.000.000.000VNĐ/TP)	TP	470	470	0

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime là: **16.137 VNĐ/ 1CP.**

- **GDP:** theo các chuyên gia dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2017 đạt mức 6,6%.
- **Lãi suất:** được duy trì ổn định ở mức hợp lý hiện tại & có thể tăng nhẹ trong năm 2017, do:
 - (1) Nhu cầu vốn tăng cao;
 - (2) Áp lực tăng tỷ giá USD/VND;
 - (3) Ưu tiên duy trì ổn định mặt bằng lãi suất.
- **Vốn FDI:** Sau kỷ lục giải ngân 15,8 tỷ USD năm 2016, dòng vốn này dự báo có thể giảm quanh mức 13,8 tỷ USD do khả năng Hiệp định TPP sẽ khó thành hiện thực.
- **Tỷ giá USD/VND:** tỷ giá tiếp tục tăng khoảng 2,5% so với năm 2016. Tuy nhiên, nội lực trong nước đủ để đối ứng với những biến động tỷ giá mà không gây ảnh hưởng mạnh đến các hoạt động chính của nền kinh tế.
- **Giá dầu trong năm 2017:** Hồi phục sớm hơn dự báo do hiệu ứng Tổng thống mới đắc cử Donald Trump cùng cam kết cắt giảm sản lượng khai thác của các nước khối OPEC cùng Nga.
- **Định giá P/E** của TTCK Việt Nam vẫn còn rẻ so với thị trường các nước tương đồng & vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển.
- **Kế hoạch niêm yết** của các doanh nghiệp lớn năm 2017 sẽ thu hút thêm các nhà đầu tư mới.
- Quy mô thị trường xét trên **tỷ lệ vốn hóa/GDP** dự báo tăng lên mức 47% cuối năm 2017.

Dự báo VN-Index có thể đạt mức 770 điểm trong năm 2017.

KẾT QUẢ KINH DOANH & TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

TỔNG KẾT KINH TẾ THỊ TRƯỜNG NĂM 2016 & DỰ BÁO NĂM 2017

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG NĂM 2016

Năm 2016 được đánh giá là một năm đầy thách thức với nền kinh tế Việt Nam bởi những vấn đề nội tại chưa được tháo gỡ, trong khi diễn biến quốc tế ngày một bất thường... Trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Với mức tăng trưởng GDP 6,2%, mặc dù thấp hơn mục tiêu Chính phủ đặt ra nhưng vẫn nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất thế giới. Các chỉ số khác tương đối ổn định và bền vững.

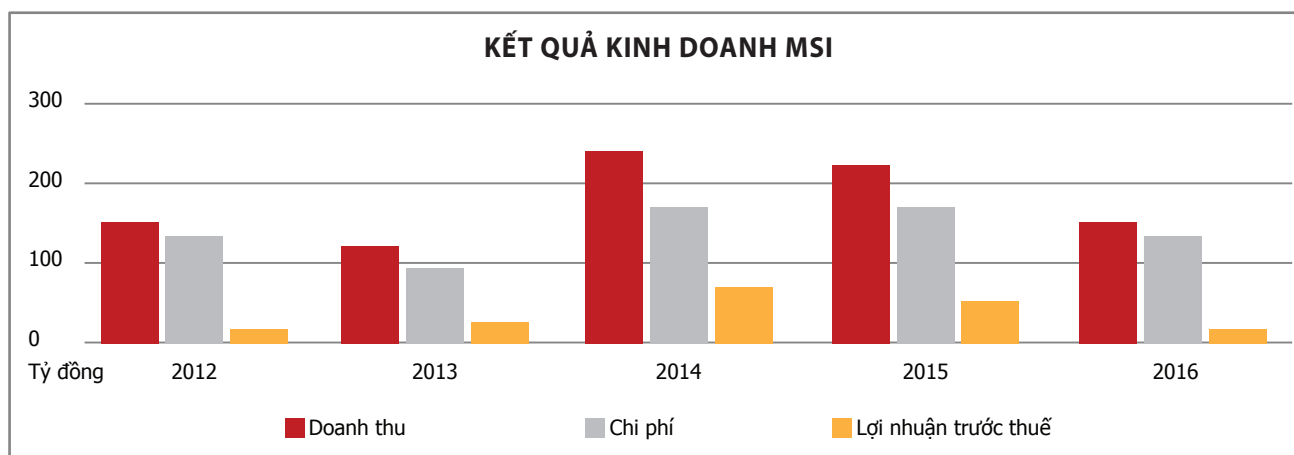
Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2016 đã trải qua nhiều biến động và thách thức, tuy nhiên VN-Index đã kết thúc với mức tăng 14,8% yoy, vượt trội so với 2 năm trước đó. VN-Index đã tăng điểm từ mốc 515 giai đoạn đầu năm đến ngưỡng 680 – 690 điểm trong giai đoạn cuối năm. Không những vậy, năm qua cũng là một năm hết sức đặc biệt khi thị trường vượt ngưỡng kháng cự mạnh 635 – 640 điểm trong vòng 8 năm tính từ thời điểm tháng 10/2009. Điểm số gia tăng kèm theo thanh khoản trên 2 sàn được cải thiện rõ rệt, giao động trong khoảng 3,000 tỷ đồng/phần.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

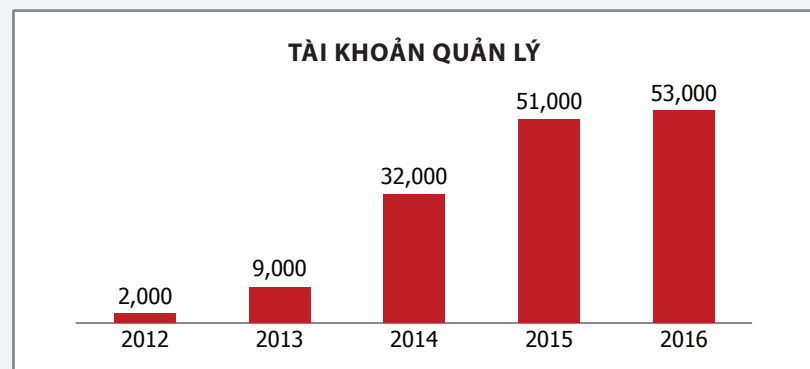
Năm 2016, kết quả kinh doanh của MSI tương đối khả quan dựa trên những thăng trầm của thị trường. Tổng lợi nhuận trước thuế của MSI đạt 27.6 tỷ đồng.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Năm 2016, tiếp tục đánh dấu những bước chuyển mình quan trọng của mảng Dịch vụ chứng khoán. Cụ thể:



- **Số lượng tài khoản** đạt trên 53.000 tài khoản, số lượng tài khoản không ngừng gia tăng thể hiện uy tín và thương hiệu của MSI đối với Khách hàng và các Nhà đầu tư. Ngày càng có nhiều Khách hàng quan tâm, biết đến và sử dụng các dịch vụ có chất lượng của Công ty.
- Năm 2016 là năm thứ hai năm liên tiếp **MSI lọt vào Top 10** Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại **Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**. Thành công này có được là từ định hướng chiến lược đúng đắn của HĐQT, Ban Điều hành và nỗ lực kinh doanh Khối Dịch vụ chứng khoán cùng toàn thể cán bộ nhân viên MSI. Chất lượng và quy mô kinh doanh dịch vụ chứng khoán thể hiện tiềm lực cũng như khả năng tăng trưởng một cách chắc chắn, bền vững.
- **Mục tiêu của MSI năm 2017** là tập trung vào chất lượng phục vụ khách hàng, phát triển các tiện ích và dịch vụ giá trị gia tăng cho Khách hàng. Một số kế hoạch hành động của mảng dịch vụ chứng khoán trong năm 2017 bao gồm:
 - (1) Đẩy mạnh phát triển các ở tất cả các nhóm Khách hàng: Khách hàng cá nhân trong nước, Khách hàng cá nhân nước ngoài, Khách hàng tổ chức;
 - (2) Liên tục đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ nhân sự đảm bảo tính chuyên nghiệp, chú trọng vào đạo đức nghề nghiệp, tuyển dụng nhân sự mới đáp ứng các mục tiêu của MSI;
 - (3) Thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ theo hướng hiện đại, đáp ứng một cách nhanh nhất và tốt nhất nhu cầu của khách hàng, gia tăng các tiện ích và các dịch vụ cho Khách hàng;
 - (4) Đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn margin cho các hoạt động giao dịch của Khách hàng;
 - (5) Tiếp tục cải tiến các sản phẩm điện tử thân thiện với người sử dụng, luôn đi đầu ứng dụng những công nghệ mới.





DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2016 là năm thứ 2 liên tiếp MSI được vinh danh tại Diễn đàn M&A với giải thưởng “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2015 – 2016”. Giải thưởng này đã thể hiện các nỗ lực của MSI trong các năm qua. Với trên 3.100 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi đã được MSI tư vấn, bảo lãnh phát hành thành công trong năm 2016, MSI đã mở rộng thêm tệp khách hàng trong hoạt động Dịch vụ Ngân hàng đầu tư cũng như tạo dựng uy tín lâu dài đối với Khách hàng.

Năm 2017, mảng Dịch vụ Ngân hàng đầu tư sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh sẵn có, tăng cường nguồn nhân lực vào các dịch vụ tạo ra giá trị gia tăng cao cho Khách hàng. Các sản phẩm bảo lãnh phát hành, tư vấn tái cấu trúc, tư vấn M&A ... tiếp tục được chú trọng nhằm cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ tổng thể. Các chương trình mở rộng, liên kết với khách hàng, đối tác sẽ không ngừng được triển khai đặc biệt là các tổ chức, tập đoàn lớn có uy tín trên thị trường nhằm thúc đẩy hơn nữa mảng dịch vụ này phát triển.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Năm 2016, Công ty đã cơ bản hoàn thành việc tái cấu trúc danh mục. Hiện danh mục đầu tư chỉ còn một khoản đầu tư dài hạn cổ phiếu Ngân hàng MSB và một danh mục trading giá trị khiêm tốn. Ban Đầu tư đã thực hiện tốt nguyên tắc đầu tư và quản trị rủi ro. Công tác đánh giá danh mục và nhận định thị trường vẫn tiếp tục được thực hiện hàng tuần đảm bảo sự linh hoạt và kịp thời trong việc điều chỉnh danh mục đầu tư phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Hoạt động Đầu tư tự doanh năm 2017 về cơ bản sẽ hạn chế, nhằm tập trung nguồn lực cho các dịch vụ tài chính cũng như hạn chế mâu thuẫn lợi ích với các khách hàng.

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

NHÂN SỰ & CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công nghệ thông tin vẫn là một trong các thế mạnh của MSI. Năm 2016, Công ty đã không ngừng đầu tư nâng cấp hệ thống, triển khai xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin như MS-Mobile, MS-Trade đem lại các tiện ích tối ưu cho Khách hàng. Bên cạnh đó, công ty đã đầu tư cho hệ thống Front tách bạch với phần mềm FLEX nhằm đẩy nhanh tốc độ giao dịch cho nhà đầu tư đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng công nghệ thông minh của khách hàng và tăng trưởng quy mô kinh doanh công ty. Cũng trong năm 2016, trung tâm dữ liệu (DC) hiện đại đã được đầu tư mới, hệ thống mới đã giải quyết một cách căn bản năng lực xử lý, đảm bảo tốc độ cũng như sự ổn định của hệ thống giao dịch. Năm 2017, MSI sẽ tiếp tục đầu tư cho hệ thống Front giai đoạn 2 nhằm hoàn thiện toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo phát triển dài hạn.

MSI tự hào có được một môi trường làm việc trẻ trung, cởi mở, thân thiện, chuyên nghiệp hướng tới sự năng động và sáng tạo. Không có cơ hội cho sự áp đặt, độc đoán tồn tại bởi mỗi cá nhân đều được nói lên suy nghĩ của mình và được lắng nghe, tôn trọng, thấu hiểu. Mọi nhân viên luôn được tạo điều kiện để tìm tòi, sáng tạo, nêu lên những đề xuất của mình, được tự do thể hiện năng lực của mình. Tại MSI, người lao động luôn được tạo mọi điều kiện để yên tâm, gắn bó lâu dài, vì vậy chính sách đãi ngộ lao động luôn được Công ty xem trọng và liên tục hoàn thiện. Các chế độ tiền lương, tiền thưởng được lập theo quy chế rõ ràng. Công ty cũng luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ cho người lao động phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng, tương xứng với mức độ cống hiến và cạnh tranh trong thị trường lao động.



CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU

Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông (người)
A. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu			
Tổng số lượng cổ phần phổ thông:	30.000.000	100%	117
Cổ đông lớn (năm giữ từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên)	21.253.600	70,85%	8
Cổ đông năm giữ dưới 5% cổ phần có quyền biểu quyết	8.746.400	29,15%	109
Trong đó:			
Nhà nước	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0
B. Cơ cấu vốn cổ đông			
Nhà nước	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0
Cổ đông là tổ chức	10.402.250	34,67%	6
Cổ đông cá nhân	19.597.750	65,33%	111
C. Số lượng cổ phần			
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	30.000.000	100%	117
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0	0

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Bà Nguyễn Thị Minh Lan chuyển nhượng toàn bộ 120.000 cổ phiếu vào ngày 27/05/2016
- Bà Bùi Thị Bích Thảo chuyển nhượng toàn bộ 770.000 cổ phiếu vào ngày 27/05/2016

Là một đơn vị kinh doanh uy tín trên thị trường tài chính, chứng khoán Việt Nam, MSI luôn ý thức về các cam kết trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội nơi mà chính doanh nghiệp đang hoạt động. Chúng tôi hiểu rằng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng không chỉ là trách nhiệm của các cơ sở giáo dục của nhà nước, mà các doanh nghiệp cần hỗ trợ đào tạo năng lực thực tiễn chính vì vậy MSI rất tích cực tham gia, đồng hành cùng các Trường Đại học tổ chức các chương trình hướng nghiệp, đào tạo, xâm nhập thực tế cho sinh viên. Hàng năm, nhiều lượt sinh viên đã đến tham quan, kiến tập tại MSI và không ít sinh viên xuất sắc đã trở thành MSI-an sau thời gian thực tập.

Bên cạnh trách nhiệm đối với nguồn nhân lực, MSI còn tích cực tham gia các chương trình thiện nguyện như quyên góp tiền phẫu thuật hàm mặt cho trẻ em thông qua những hành động nhỏ bé như mua bao lì xì của Quỹ Phẫu thuật Nụ Cười (Operation Smile Vietnam). Đóng góp ủng hộ quyên góp từ thiện cho trẻ em mồ côi, trẻ em nghèo tại một số địa phương.

Công ty trong năm qua chưa tham gia vào thị trường vốn xanh

BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN HÓA XANH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HĐQT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2012	4,43%
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2014	0,00%
Ông Thái Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2015	2,00%



1. Ông Lê Đình Ngọc - Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Đình Ngọc hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSI. Ông Ngọc có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và chứng khoán trong đó có thâm niên hơn 11 năm xây dựng và quản lý Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS), một trong năm công ty chứng khoán được cấp phép đầu tiên tại Việt Nam với vai trò quản lý cấp cao. Đặc biệt, trong giai đoạn 2006 - 2011, với vai trò là Tổng Giám đốc, Ông Ngọc đã thành công trong việc dẫn dắt TLS trở thành một trong số ít các Công ty chứng khoán hàng đầu, có uy tín tại Việt Nam, được cộng đồng các nhà đầu tư kính nể, với nhiều năm liên tiếp giữ được vị trí số 1 về thị phần giao dịch chứng khoán niêm yết trên cả hai Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Thành phố Hồ Chí Minh (HSX).

Ông Ngọc vừa là Chủ tịch HĐQT của Công ty chứng khoán Maritime (MSI) và Công ty quản lý quỹ Tín Phát (TPF). Ông cũng đồng thời là thành viên HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Ông Ngọc đã là Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (MDB) trong giai đoạn sát nhập vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB). Ông Ngọc là Thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân và được UBCKNN cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

2. Ông Nguyễn Đức Hoàn - Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Đức Hoàn là một chuyên gia tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính. Được đào tạo bài bản tại nước ngoài, ông Hoàn đã có 8 năm làm việc tại Ngân hàng Barclays tại Luân Đôn và 4 năm công tác tại Ngân hàng Định chế thuộc Ngân hàng MSB.

Trước khi gia nhập MSI ông Hoàn là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần quỹ Tín Phát, quản lý một số lượng lớn tài khoản khách hàng tổ chức của MSB và các tổ chức tài chính khác. TPF là cổ đông lớn của MSI và hợp tác cùng MSI hoàn thành một số hợp đồng dịch vụ ngân hàng đầu tư có giá trị và uy tín trên thị trường.

Tháng 2 năm 2016 ông tiếp tục đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc của MSI.

3. Ông Thái Anh Tuấn - Thành viên HĐQT

Ông Thái Anh Tuấn tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và đã có 8 năm gắn bó với Tập đoàn đầu tư phát triển Việt Nam. Với vai trò là Trưởng phòng Thanh quyết toán - TNI, ông Tuấn đã có những đóng góp nhất định trong các hoạt động vì sự phát triển của Tập đoàn.

Hiện tại, ông Tuấn đang giữ cương vị Giám đốc CTCP phát triển Hà Tây là Doanh nghiệp trực thuộc Tập đoàn đầu tư phát triển Việt Nam và chính thức được bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán Maritime kể từ ngày 30/6/2015.



CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

1. Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán Nội bộ được thành lập từ tháng 11/2013, là một đơn vị trực thuộc Hội đồng Quản trị, độc lập hoàn toàn với Ban điều hành theo các thông lệ tiên tiến về quản trị doanh nghiệp (corporate governance). Ủy ban Kiểm toán có nhiệm vụ đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ trong hoạt động của Công ty thông qua các hoạt động kiểm toán nội bộ.

Ủy ban Kiểm toán có nhiệm vụ thành lập các đoàn Kiểm toán Nội bộ để tiến hành kiểm toán nội bộ các hoạt động của Công ty một cách định kỳ hoặc theo chuyên đề. Báo cáo kiểm toán được báo cáo trực tiếp lên HĐQT.

2. Ủy ban Quản trị Rủi ro

Ủy ban Quản trị Rủi ro được thành lập vào tháng 11/2013, là một đơn vị trực thuộc Hội đồng Quản trị, độc lập hoàn toàn với Ban điều hành theo các thông lệ tiên tiến về quản trị doanh nghiệp (corporate governance). Ủy ban Quản trị Rủi ro là một bộ phận chuyên trách thuộc HĐQT nhằm giúp HĐQT thực hiện vai trò quản trị rủi ro của Công ty, bao gồm việc xây dựng, tư vấn các chính sách, chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty; đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty.

3. Hội đồng Chính sách Dịch vụ Chứng khoán

Hội đồng Chính sách Dịch vụ Chứng khoán được thành lập từ tháng 12/2012, nhằm góp phần tăng cường chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ chứng khoán của MSI, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường và quản trị rủi ro có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ. Hội đồng Chính sách có chức năng phê duyệt điều chỉnh chính sách sản phẩm, chính sách dịch vụ khách hàng một cách linh hoạt và hiệu quả, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng song vẫn đảm bảo việc quản trị rủi ro. Hội đồng Chính sách DVCK được thành lập gồm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản trị Rủi ro, Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Đầu tư

Hội đồng Đầu tư được thành lập từ tháng 12/2012, là bộ phận chuyên trách của Hội đồng Quản trị, thực hiện thiết lập, hoạch định chính sách đầu tư và định hướng phát triển hoạt động đầu tư của MSI một cách bài bản, chuyên nghiệp, phát huy hiệu quả của sức mạnh tập thể.

Hội đồng Đầu tư nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động liên quan đến đầu tư tài chính được tiến hành phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác của MSI; kiểm soát chặt chẽ, nâng cao khả năng sinh lời, hiệu quả đầu tư, đảm bảo hoạt động đầu tư có tính ổn định, an toàn cao.

Hội đồng Đầu tư được thành lập gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, một thành viên HĐQT và một đại diện Trung tâm Nghiên cứu.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch	12	100%
2	Ông Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên	12	100%
3	Ông Thái Anh Tuấn	Thành viên	12	100%

HĐQT luôn bám sát các hoạt động kinh doanh, trực tiếp đề ra các chủ trương nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của công ty.

- Bên cạnh việc giám sát hoạt động của Ban điều hành, HĐQT đã hoạt động tích cực trong khuôn khổ hoạt động của mình.
- Thông qua các quy chế phù hợp với tình hình thực tế, tạo khuôn khổ rõ ràng cho sự vận hành & kinh doanh của MSI như: quy chế lương, quy chế tài chính, quy chế Hội đồng đầu tư...
- Tổ chức các phiên họp để đưa ra những quyết định kịp thời cho việc hoạt động kinh doanh theo ý kiến đề xuất của Tổng giám đốc để từ đó đưa ra những ý kiến chỉ đạo hợp lý.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016, MSI bước đầu thực hiện tốt định hướng dài hạn của công ty. Cụ thể:

- Hoạt động kinh doanh của công ty đã đạt được những giải thưởng và con số đáng khích lệ như:
 - (1) Hai năm liên tiếp dẫn đầu M&A Việt Nam vinh danh “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2015-2016 và 2014-2015”;
 - (2) Giữ vững vị trí Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) trong 2 năm 2015 và 2016;
 - (3) Quản lý trên 53.000 tài khoản khách hàng;
- Cả hai mảng hoạt động kinh doanh chính là Dịch vụ chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đồng thời phát triển;
- Đội ngũ nhân sự gọn nhẹ, tinh nhuệ đảm bảo hiệu quả và chất lượng công việc;
- Hệ thống quản trị rủi ro được giám sát và tuân thủ chặt chẽ;
- Xây dựng văn hóa MSI ngày càng rõ nét và sâu sắc;
- Chú trọng vào các hoạt động cộng đồng nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đất nước cũng như tham gia các chương trình từ thiện đóng góp cho cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

HĐQT MSI năm 2017 sẽ tập trung vào các công việc sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn;
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung và dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý, chú trọng công tác quản trị rủi ro;
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- HĐQT luôn bám sát hoạt động kinh doanh đồng thời trực tiếp đề ra chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động của công ty;
- Triển khai các công việc liên quan đến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh các hoạt động của Công ty theo quy định;
- Trong quan hệ với cổ đông: HĐQT luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông qua Web site công ty, công bố thông tin... Trong đó các sự kiện tiêu biểu như Báo cáo tài chính, quản trị Công ty, bổ nhiệm nhân sự Ban lãnh đạo;
- Chỉ đạo giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện chế độ, chính sách, các quy định của Nhà Nước đối với người lao động để đảm bảo quyền lợi hợp của CBNV và các chế độ tăng lương, phụ cấp cho người lao động. Thực hiện tốt các nghĩa vụ của công ty đối với người lao động như đóng BHXH, BHYT, BHNT, tổ chức hỏi thăm ốm đau;
- Trong công tác phối hợp với Ban kiểm soát, các tờ trình, nghị quyết của HĐQT đều được gửi tới ban Kiểm soát để tạo thuận lợi cho công việc của thành viên Ban kiểm soát. Các công việc mang tính chuyên môn, nghiệp vụ của ban kiểm soát, Ban điều hành và công ty kiểm toán cũng được HĐQT tạo điều kiện và chỉ đạo Ban điều hành cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cho Ban kiểm soát.

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Bà Hà Thị Bích Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014	8,89%
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014	0,00%
Bà Bùi Thị Bích Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2015	0,00%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Nhân sự Ban Kiểm soát MSI là các thành viên độc lập, không phải là người lao động của MSI. Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông;
- Thẩm tra báo cáo tài chính của công ty hàng quý, 6 tháng và năm 2016. Giám sát tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo Thông tư 226/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2010;
- Ban Kiểm soát tham gia cùng với HĐQT, Ban Điều hành trong việc kiểm tra tính hợp lệ đối với các quy trình, quy chế mới được ban hành;
- Năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của MSI.

Chúng tôi nỗ lực trở thành một trong các công ty chứng khoán có chất lượng tốt nhất tại Việt Nam



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đình Ngọc Chủ tịch

Ông Thái Anh Tuấn Ủy viên

Ông Nguyễn Đức Hoàn Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mạc Quang Huy Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn Phó Tổng Giám đốc
(bổ nhiệm ngày 01/02/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập BCTC.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Mạc Quang Huy

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2017, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

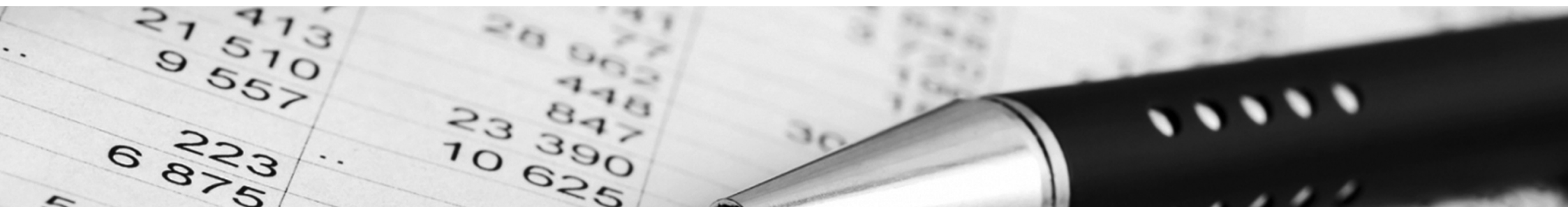
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư số 210/2014/TT-BTC”), Thông tư số 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại cho mục đích so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1291-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2543-2014-001-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn	100		600.397.615.155	1.233.003.138.141
I. Tài sản tài chính (110 = 111+112+113+114+115+116+117+118+119+122+129)	110		598.837.617.400	1.231.718.509.355
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	45.400.859.363	137.888.091.585
1.1. Tiền	111.1		45.400.859.363	86.388.091.585
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	51.500.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7	120.708.245.910	46.363.054.577
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7, 8	115.300.000.000	80.500.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7, 8	286.862.542.759	519.739.709.586
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115	7	897.376.000	897.376.000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7	(16.674.030.821)	(16.467.824.161)
7. Các khoản phải thu	117	8	43.496.864.561	181.595.986.759
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		40.004.500.000	78.791.136.300
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		3.492.364.561	102.804.850.459
7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		3.492.364.561	102.804.850.459
8. Trả trước cho người bán	118	8	111.553.170	971.653.200
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	8	176.000.000	10.368.200.000
10. Các khoản phải thu khác	122	8	2.596.371.069	269.900.426.420
11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(38.164.611)	(38.164.611)
II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131+133+134)	130		1.559.997.755	1.284.628.786
1. Tạm ứng	131		314.324.000	83.205.760
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	1.048.700.083	1.004.449.354
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		196.973.672	196.973.672

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
B. Tài sản dài hạn (200 = 220+250)	200		23.706.154.296	10.481.129.135
I. Tài sản cố định	220		17.235.046.645	5.427.219.623
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	11.182.327.869	121.761.179
- Nguyên giá	222		17.452.175.321	5.293.877.081
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(6.269.847.452)	(5.172.115.902)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	6.052.718.776	5.305.458.444
- Nguyên giá	228		12.887.691.248	9.813.991.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(6.834.972.472)	(4.508.532.804)
II. Tài sản dài hạn khác	250		6.471.107.651	5.053.909.512
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		15.000.000	15.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	9	681.707.403	1.764.509.264
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	12	5.774.400.248	3.274.400.248
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		624.103.769.451	1.243.484.267.276
NGUỒN VỐN				
C. Nợ phải trả (300 = 310)	300		139.981.797.442	780.077.872.452
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		139.981.797.442	780.077.872.452
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	13	74.566.194.138	220.000.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		74.566.194.138	220.000.000.000
2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	14	-	400.000.000.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320		15.457.267.500	2.482.289.800
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		228.000.000	373.000.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	1.060.446.216	4.426.120.671
6. Phải trả người lao động	323		3.718.916.804	4.280.032.450
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		323.839.178	338.735.929
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	2.961.832.045	118.857.149.576
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	17	38.279.514.721	26.363.743.836
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		3.385.786.840	2.956.800.190

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
D. Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		484.121.972.009	463.406.394.824
I. Vốn chủ sở hữu	410		484.121.972.009	463.406.394.824
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		829.800.870	829.800.870
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		15.700.221.396	11.198.474.096
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	19	167.591.949.743	151.378.119.858
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		167.591.949.743	151.378.119.858
Tổng cộng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu (440 = 300+400)	440		624.103.769.451	1.243.484.267.276

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT (Đồng Việt Nam - VND)				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán	008		20.294.500.000	179.439.100.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		20.294.000.000	179.439.100.000
b. Tài sản tài chính chờ thanh toán	008.5		500.000	-
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	009		2.530.000	-
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	009.1		2.530.000	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán	012		113.489.620.000	19.339.620.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B1. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (Số lượng chứng khoán - đơn vị)				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	021		316.426.331	397.309.102
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>303.915.003</i>	<i>375.303.963</i>
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>415.922</i>	<i>724.623</i>
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>7.920.800</i>	<i>9.694.047</i>
<i>d. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>4.174.606</i>	<i>11.586.469</i>
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		3.217.093	411.434
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>		<i>3.028.563</i>	<i>406.434</i>
<i>b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>022.2</i>		<i>188.530</i>	<i>5.000</i>
B2. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (Đồng Việt Nam - VND)				
3. Tiền gửi của khách hàng	026		127.931.348.417	244.053.133.096
<i>3.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>027</i>	<i>27.1</i>	<i>122.713.553.814</i>	<i>243.858.012.580</i>
<i>3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	<i>029</i>	<i>27.1</i>	<i>5.217.794.603</i>	<i>195.120.516</i>
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>029.1</i>		<i>4.459.286.176</i>	<i>89.909.394</i>
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>029.2</i>		<i>758.508.427</i>	<i>105.211.122</i>
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	27.2	127.412.786.738	198.804.857.927
<i>4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>031.1</i>		<i>127.412.786.738</i>	<i>198.804.857.927</i>
5. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		548.740.000	11.931.700
6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	27.2	-	25.417.500

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		8.357.691.995	58.603.316.738
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>01.1</i>	<i>20.1</i>	<i>6.765.919.833</i>	<i>58.599.489.898</i>
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>01.2</i>	<i>7</i>	<i>1.250.399.128</i>	<i>-</i>
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>01.3</i>	<i>20.2</i>	<i>341.373.034</i>	<i>3.826.840</i>
2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	20.2	5.777.187.019	10.516.811.984
3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	20.2	63.622.533.545	74.364.278.089
4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	20.3	49.364.510.450	44.241.102.452
5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	20.3	24.085.300.000	16.300.000.000
6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	20.3	4.259.981.061	14.675.822.731
7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	20.3	1.595.273.639	1.637.090.555
8. Thu nhập hoạt động khác	11	20.3	2.185.515.702	7.680.701.345
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01+02+03+06+07+08+09+11)	20		159.247.993.411	228.019.123.894
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		5.723.667.184	12.380.514.879
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>21.1</i>	<i>20.1</i>	<i>5.723.667.184</i>	<i>11.559.323.238</i>
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá tại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ</i>	<i>21.2</i>		<i>-</i>	<i>821.191.641</i>
2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		1.456.605.788	13.568.525.320
3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		415.385.330	1.629.841.840
4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	21	58.814.971.086	46.359.633.636
5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		2.853.932.304	2.405.160.733
6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		23.242.709.723	24.305.007.991
7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		3.529.600.073	1.685.243.259
8. Chi phí các dịch vụ khác	32		5.809.091	-
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21+24+26+27+28+29+30+32)	40		96.042.680.579	102.333.927.658

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	22	2.143.976.714	3.462.296.792
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42)	50		2.143.976.714	3.462.296.792
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
1. Chi phí lãi vay	52		24.563.145.410	57.601.431.276
2. Chi phí tài chính khác	55		432.589.119	460.003.299
Cộng chi phí tài chính (60 = 52+55)	60	23	24.995.734.529	58.061.434.575
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	24	12.614.688.978	12.743.590.041
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-62)	70		27.738.866.039	58.342.468.412
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
1. Thu nhập khác	71		543.518	8.875.131
2. Chi phí khác	72		110.126.097	366.030.165
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80		(109.582.579)	(357.155.034)
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70+80)	90		27.629.283.460	57.985.313.378
1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		27.629.283.460	57.985.313.378
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		5.563.182.085	12.967.840.372
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	25	5.563.182.085	12.967.840.372
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		22.066.101.375	45.017.473.006
1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		22.066.101.375	45.017.473.006
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	26	691	1.443



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Mạc Quang Huy
Tổng Giám đốc

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	27.629.283.460	57.985.313.378
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		
- Khấu hao tài sản cố định	03	3.522.844.393	1.955.552.745
- Các khoản dự phòng	04	206.206.660	14.389.716.961
- Chi phí lãi vay	06	24.563.145.410	57.601.431.276
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(71.776.573.227)	(88.347.213.705)
- Dự thu tiền lãi	08	(3.492.364.561)	(102.804.850.459)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(19.347.457.865)	(59.220.049.804)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(74.345.191.333)	137.355.941.650
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(34.800.000.000)	70.420.000.000
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	232.877.166.827	(145.673.863.070)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	-	112.272.286.149
- Tăng (giảm) phải thu bán các tài sản tài chính	35	38.786.636.300	-
- Tăng (giảm) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	3.492.364.561	99.707.882.659
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	10.192.200.000	(10.278.055.872)
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39	267.304.055.351	3.414.466.540
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	628.981.790	(521.626.025)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(13.737.658)	113.606.982
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	1.038.551.132	437.469.433
- Thuế TNDN đã nộp	43	(7.852.221.754)	(14.490.252.994)
- Lãi vay đã trả	44	(140.444.725.283)	(67.643.655.882)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	12.829.977.700	2.521.020.000
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên	46	(14.896.751)	338.735.929
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(1.076.634.786)	154.376.842
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	(561.115.646)	(2.892.699.793)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	11.915.770.885	(33.319.780.260)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(3.421.537.540)	(2.493.579.804)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	297.188.185.930	90.202.222.680

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(15.439.168.500)	(1.436.440.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư dài hạn	65	171.197.556.210	67.618.029.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	155.758.387.710	66.181.589.101
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay gốc	73	622.265.704.972	270.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(1.167.699.510.834)	(350.996.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	(545.433.805.862)	(80.996.450.000)
IV. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90	(92.487.232.222)	75.387.361.781
V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	101	137.888.091.585	62.500.729.804
1. Tiền	101.1	86.388.091.585	62.500.729.804
2. Các khoản tương đương tiền	101.2	51.500.000.000	-
VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	103	45.400.859.363	137.888.091.585
1. Tiền	103.1	45.400.859.363	137.888.091.585

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG		(116.121.784.679)	82.180.145.060
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	14.634.537.717.800	14.983.569.134.332
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(14.750.659.502.479)	(14.901.388.989.272)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	(116.121.784.679)	82.180.145.060
II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG		244.053.133.096	161.872.988.036
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:			
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức của công ty chứng khoán quản lý	32	243.858.012.580	161.010.295.452
2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	195.120.516	862.692.584

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG (40 = 20+30)	40	127.931.348.417	244.053.133.096
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	122.713.553.814	243.858.012.580
2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	45	5.217.794.603	195.120.516

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm		Năm 2015		Năm 2016		Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		829.800.870	829.800.870	-	-	-	-	829.800.870	829.800.870
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5.401.187.894	11.198.474.096	5.797.286.202	-	4.501.747.300	-	11.198.474.096	15.700.221.396
4. Lợi nhuận chưa phân phối	19	113.897.118.914	151.378.119.858	45.017.473.006	7.536.472.062	22.066.101.375	5.852.271.490	151.378.119.858	167.591.949.743
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		113.897.118.914	151.378.119.858	45.017.473.006	7.536.472.062	22.066.101.375	5.852.271.490	151.378.119.858	167.591.949.743
Cộng		420.128.107.678	463.406.394.824	50.814.759.208	7.536.472.062	26.567.848.675	5.852.271.490	463.406.394.824	484.121.972.009



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Mạc Quang Huy
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động không thời hạn theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 01 năm 2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 4 năm 2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, Quyết định số 401/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 7 năm 2013 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 379/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 5 năm 2014 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Hà Nội và Giấy phép số 35/GPĐC-UBCK ngày 07 tháng 8 năm 2015 về việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank trở thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime.

Hiện tại, Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán. Công ty có 02 chi nhánh: chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại tầng 2, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1 và chi nhánh Hà Nội tại tầng 9, TNR Tower Hoàn Kiếm, 115 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 123 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 122 người).

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

HẠN CHẾ ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Công ty thực hiện theo Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.



HẠN CHẾ ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh Mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.



THUYẾT MINH VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư số 210/2014/TT-BTC”) và Thông tư số 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư số 334/2016/TT-BTC”), hướng dẫn kế toán áp dụng với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại cho mục đích so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Các thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

HƯỚNG DẪN MỚI VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHO CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“ Thông tư số 210/2014/TT-BTC”) và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“ Thông tư số 334/2016/TT-BTC”), hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế cho các quy định về chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch đánh giá lại phát sinh trong năm được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc "Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại thời điểm gần nhất.

Luật Kế toán 2016 hiện chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty chỉ thực hiện đánh giá lại chứng khoán khi có giá thị trường giảm so với giá gốc.

DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 210/2014/TT-BTC.

NỢ PHẢI THU

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nợ phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán: Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ, phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Máy móc, thiết bị	03 - 05

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí dịch vụ trả trước, giá trị công cụ, dụng cụ và giá trị ghi sổ của tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và đã được ghi giảm trong năm 2013. Các khoản trả trước này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

PHẢI TRẢ HỘ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và các khoản phải trả khác.

DOANH THU

Hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ tài sản tài chính (lãi từ cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động ủy thác đầu giá

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Các khoản doanh thu liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên báo cáo tình hình tài chính.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chi phí hoạt động bao gồm Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán bao gồm Chi phí hoạt động tự doanh, Chi phí môi giới chứng khoán, Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, Chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUẾ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	45.374.091.548	86.386.991.585
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	26.767.815	1.100.000
Các khoản tương đương tiền (*)	-	51.500.000.000
	45.400.859.363	137.888.091.585

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng.

GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (CP)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
Của công ty chứng khoán	68.225.330	775.993.407.476
Cổ phiếu	68.225.330	775.993.407.476
Của nhà đầu tư	2.746.263.392	31.196.536.184.000
Cổ phiếu	2.746.263.392	31.196.536.184.000

CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ				
Cổ phiếu niêm yết				
MBB	15.405.795.322	15.405.795.322	-	-
BCG	11.859.961.244	10.230.813.840	-	-
VCS	19.672.900	19.672.900	-	-
VCG	12.880.200	10.800.000	-	-
KLF	4.961.600	2.412.000	-	-
VIC	3.654.246	3.654.246	7.411.958.220	7.411.958.220
HPG	2.444.761	2.444.761	15.609.600	14.541.600
SCR	1.215.819	1.215.819	4.296.117.600	4.296.117.600
REE	596.595	596.595	4.422.555.386	3.780.050.400
HCM	189.704	136.000	9.864.857.325	8.008.462.000
ITA	68.694	55.860	1.940.025.867	1.680.022.400
ITC	-	-	3.592.260.000	3.461.724.000
Khác	130.727.828	115.671.857	62.995.887	54.204.824
Cổ phiếu chưa niêm yết				
MSB (*)	93.266.076.997	93.266.076.997	14.756.674.692	14.756.674.692
Tổng cộng	120.708.245.910	119.059.346.197	46.363.054.577	43.463.755.736
TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN				
BTL	897.376.000	897.376.000	897.376.000	897.376.000
Tổng cộng	897.376.000	897.376.000	897.376.000	897.376.000
TÀI SẢN TÀI CHÍNH GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN				
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	65.300.000.000	Không áp dụng	80.500.000.000	Không áp dụng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (**)	50.000.000.000	Không áp dụng	-	Không áp dụng
Tổng cộng	115.300.000.000		80.500.000.000	

CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU				
Cho vay hoạt động margin	233.075.433.878	Không áp dụng	436.034.472.449	Không áp dụng
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	53.787.108.881	Không áp dụng	83.705.237.137	Không áp dụng
Tổng cộng	286.862.542.759		519.739.709.586	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không thu thập được các thông tin tin cậy để xác định giá trị thị trường của mã cổ phiếu này làm cơ sở để xác định dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn.

(**) Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay thấu chi tại BIDV (xem Thuyết minh số 13).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá của các tài sản tài chính

STT	Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng năm nay				Giá trị lập dự phòng đầu năm (VND)	Mức trích lập/hoàn nhập dự phòng trong năm (VND)
		Số lượng	Giá trị sổ sách kế toán (VND)	Giá trị thị trường cuối năm (VND)	Giá trị trích lập dự phòng cuối năm (VND)		
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		120.708.245.910	119.059.346.197	(1.648.899.713)	(2.899.298.841)	1.250.399.128
1	MBB	1.100.434	15.405.795.322	15.405.795.322	-	-	-
2	BCG	2.017.912	11.859.961.244	10.230.813.840	(1.629.147.404)	-	(1.629.147.404)
3	VCG	800	12.880.200	10.800.000	(2.080.200)	-	(2.080.200)
4	KLF	1.005	4.961.600	2.412.000	(2.549.600)	-	(2.549.600)
5	HPG	763	2.444.761	2.444.761	-	(1.068.000)	1.068.000
6	ITC	-	-	-	-	(130.536.000)	130.536.000
7	HCM	5	189.704	136.000	(53.704)	(1.856.395.325)	1.856.341.621
8	ITA	14	68.694	55.860	(12.834)	(260.003.467)	259.990.633
9	REE	30	596.595	596.595	-	(642.504.986)	642.504.986
10	Cổ phiếu khác cần lập dự phòng	4.990	155.270.793	140.214.822	(15.055.971)	(3.488.152)	(11.567.819)
11	Cổ phiếu khác cần hoàn nhập dự phòng	-	-	-	-	(5.302.911)	5.302.911
12	Cổ phiếu khác không cần lập dự phòng	11.324.962	93.266.076.997	93.266.076.997	-	-	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá của các tài sản tài chính (tiếp theo)

STT	Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng đầu năm (VND)	Mức trích lập/hoàn nhập dự phòng trong năm (VND)
		Số lượng	Giá trị sổ sách kế toán (VND)	Giá trị thị trường cuối năm (VND)		
II	Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn		115.300.000.000	-	-	-
	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn		115.300.000.000	Không áp dụng		
III	Các khoản cho vay và phải thu		286.862.542.759	-	(15.025.131.108)	(1.456.605.788)
	Cho vay hoạt động margin		233.075.433.878	Không áp dụng	(15.025.131.108)	(1.456.605.788)
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán		53.787.108.881	Không áp dụng	-	-
IV	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán		897.376.000	897.376.000	-	-
	BTL	24.000	897.376.000	897.376.000	-	-
	Tổng cộng		523.768.164.669	119.956.722.197	(16.674.030.821)	(16.467.824.161)

CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
1. Phải thu bán các tài sản tài chính	40.004.500.000	78.791.136.300
<i>Trong đó, Chi tiết các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư không có khả năng thu hồi</i>	-	-
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	3.492.364.561	102.804.850.459
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.324.133.333	1.926.077.778
Dự thu lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	-	77.061.568.056
Dự thu lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	-	13.580.516.664
Dự thu tiền lãi nghiệp vụ margin	2.168.231.228	10.236.687.961
<i>Trong đó, Chi tiết các khoản phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>	-	-
3. Các khoản phải thu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	115.300.000.000	80.500.000.000
<i>Trong đó, Chi tiết các khoản phải thu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn không có khả năng thu hồi vốn</i>	-	-

CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
4. Phải thu các khoản cho vay	286.862.542.759	519.739.709.586
<i>Trong đó, Chi tiết các khoản phải thu các khoản cho vay không có khả năng thu hồi vốn</i>	<i>15.025.131.108</i>	<i>13.568.525.320</i>
5. Trả trước cho người bán	111.553.170	971.653.200
6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	176.000.000	10.368.200.000
7. Các khoản phải thu khác	2.596.371.069	269.900.426.420
Các khoản ủy thác đầu tư	-	251.070.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	15.700.000.000
Khác	2.596.371.069	3.130.426.420
<i>Trong đó, Chi tiết phải thu khác khó đòi</i>	<i>38.164.611</i>	<i>38.164.611</i>
	448.543.331.559	1.063.075.975.965

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.048.700.083	1.004.449.354
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.048.700.083	1.004.449.354
Chi phí trả trước dài hạn	681.707.403	1.764.509.264
Chi phí trả trước về sửa chữa văn phòng	231.153.035	634.748.282
Chi phí trả trước dài hạn khác	450.554.368	1.129.760.982
Tổng cộng	1.730.407.486	2.768.958.618

TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị (VND)		Máy móc, thiết bị (VND)	
NGUYÊN GIÁ		GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	5.293.877.081	Số dư đầu năm		5.172.115.902
Mua trong năm	12.365.468.500	Khấu hao trong năm		1.196.404.725
Giảm khác	(207.170.260)	Giảm khác		(98.673.175)
Số dư cuối năm	17.452.175.321	Số dư cuối năm		6.269.847.452
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	121.761.179	Tại ngày cuối năm		11.182.327.869

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 5.086.706.821 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.958.797.621 VND).

TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính (VND)		Phần mềm máy tính (VND)	
NGUYÊN GIÁ		GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	9.813.991.248	Số dư đầu năm		4.508.532.804
Mua trong năm	3.073.700.000	Khấu hao trong năm		2.326.439.668
Số dư cuối năm	12.887.691.248	Số dư cuối năm		6.834.972.472
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	5.305.458.444	Tại ngày cuối năm		6.052.718.776

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.038.609.833 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 552.023.833 VND).

TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.286.337.219	2.967.304.884
Tiền lãi phân bổ trong năm	368.063.029	187.095.364
	5.774.400.248	3.274.400.248

VAY NGẮN HẠN

Loại vay ngắn hạn	Lãi suất (%)	Số dư đầu năm (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Số dư cuối năm (VND)
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	6.5	220.000.000.000	370.000.000.000	590.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.3	-	102.265.704.972	77.699.510.834	24.566.194.138
Ngân hàng TNHH Indovina	8.5	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Tổng cộng		220.000.000.000	522.265.704.972	667.699.510.834	74.566.194.138

Hợp đồng thấu chi với hạn mức 49,95 tỷ VND với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành. Thời hạn thấu chi là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 6,3%/năm trong suốt thời hạn vay. Mục đích thấu chi dùng để bù đắp thiếu hụt vốn lưu động. Khoản thấu chi được đảm bảo bằng 03 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành với giá trị 50 tỷ VND.

Hợp đồng hạn mức tín dụng 50 tỷ VND với Ngân hàng TNHH Indovina. Thời hạn các khoản vay theo từng Giấy cam kết trả nợ, nhưng không quá 364 ngày, lãi suất được ấn định theo từng giấy cam kết trả nợ. Mục đích của khoản tín dụng để tài trợ đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ. Đây là khoản vay tín chấp.

TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NGẮN HẠN

Trái phiếu	Lãi suất (%)	Số dư đầu năm (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Số dư cuối năm (VND)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cotec	9.0	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	6.4	350.000.000.000	-	350.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	7.0	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Tổng cộng		400.000.000.000	100.000.000.000	500.000.000.000	-

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.314.892.388	5.563.182.085	7.852.221.754	25.852.719
Thuế thu nhập cá nhân	2.066.150.276	19.722.140.305	20.789.333.448	998.957.133
Các loại thuế khác	45.078.007	330.899.118	340.340.761	35.636.364
Tổng cộng	4.426.120.671	25.616.221.508	28.981.895.963	1.060.446.216

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Trích trước lãi vay phải trả	649.305.555	366.666.667
Trích trước lãi trái phiếu phải trả	-	116.261.388.888
Trích trước lãi đặt cọc môi giới phải trả	654.836.843	557.666.716
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán	613.440.236	1.087.099.455
Chi phí phải trả khác	1.044.249.411	584.327.850
	2.961.832.045	118.857.149.576

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Hợp đồng đặt cọc môi giới (i)	36.829.986.869	20.974.168.166
Đặt cọc mua bán cổ phần	-	107.406.386
Cổ tức trả hộ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	379.171.827	2.753.635.918
Khác	1.070.356.025	2.528.533.366
	38.279.514.721	26.363.743.836

- (i) Đây là các hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán ngắn hạn được ký kết với khách hàng. Theo hợp đồng, Công ty sẽ tìm kiếm đối tác có nhu cầu bán các loại chứng khoán với đặc điểm và nội dung theo yêu cầu của khách hàng. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng, khách hàng đặt cọc cho Công ty một khoản tiền nhất định. Công ty sẽ thu phí môi giới chứng khoán theo tỷ lệ trên tổng giá trị chứng khoán giao dịch thành công thông qua môi giới. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng do khách hàng không có nhu cầu tiếp tục mua chứng khoán và Công ty chưa hoàn thành nghĩa vụ môi giới chứng khoán, Công ty sẽ trả lại số tiền đặt cọc và tiền lãi trên số tiền đặt cọc và số ngày thực tế giữ số tiền đặt cọc với lãi suất quy định trong hợp đồng.

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000

TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	151.378.119.858	113.897.118.914
Lãi đã thực hiện năm nay	22.066.101.375	45.017.473.006
Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(4.501.747.300)	(5.797.286.202)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Ban kiểm soát	(1.350.524.190)	(1.739.185.860)
	167.591.949.743	151.378.119.858

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích các lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2016. Ngoài ra, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông cũng phê duyệt phương án không trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THU NHẬP

LÃI/LỠ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán (VND)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VND)	Lãi bán chứng khoán năm nay (VND)	Lãi bán chứng khoán năm trước (VND)
1	Cổ phiếu niêm yết	5.861.252	77.635.583.100	72.201.448.099	5.434.135.001	57.389.934.085
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	5.011.333	58.607.644.246	57.275.859.414	1.331.784.832	1.209.555.813
3	Trái phiếu niêm yết	1.100.000	112.031.700.000	112.031.700.000	-	-
			248.274.927.346	241.509.007.513	6.765.919.833	58.599.489.898

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán (VND)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VND)	Lỗ bán chứng khoán năm nay (VND)	Lỗ bán chứng khoán năm trước (VND)
1	Cổ phiếu niêm yết	4.889.930	62.661.234.100	68.336.921.984	(5.675.687.884)	(6.070.663.830)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	11.000.000	84.447.000.000	84.448.609.300	(1.609.300)	(5.488.659.408)
3	Trái phiếu niêm yết	1.160.000	128.869.970.000	128.903.380.000	(33.410.000)	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	810.000	84.712.230.000	84.725.190.000	(12.960.000)	-
			360.690.434.100	366.414.101.284	(5.723.667.184)	(11.559.323.238)

CỔ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỠ, PHẢI THU VÀ CHO VAY, SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	341.373.034	3.826.840
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>341.373.034</i>	<i>3.826.840</i>
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	63.622.533.545	74.364.278.089
Từ tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	5.777.187.019	10.516.811.984
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>5.777.187.019</i>	<i>10.516.811.984</i>
	69.741.093.598	84.884.916.913

DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Các doanh thu ngoài thu nhập từ bán các tài sản tài chính không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

CHI PHÍ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	10.701.891.341	9.699.321.364
Chi phí quản lý nghiệp vụ môi giới	48.113.079.745	36.660.312.272
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>32.273.242.956</i>	<i>26.292.527.244</i>
<i>Chi phí công cụ, dụng cụ</i>	<i>661.916.262</i>	<i>1.284.860.570</i>
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	<i>3.499.347.322</i>	<i>1.931.383.623</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>11.526.033.626</i>	<i>5.633.137.798</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>152.539.579</i>	<i>1.518.403.037</i>
	58.814.971.086	46.359.633.636

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.143.976.714	3.462.296.792
	2.143.976.714	3.462.296.792

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí lãi vay	13.280.611.627	29.132.495.166
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	11.282.533.783	28.468.936.110
Chi phí đầu tư khác	432.589.119	460.003.299
	24.995.734.529	58.061.434.575

CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí nhân viên	8.861.398.946	8.547.382.775
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.877.959.075	1.727.858.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.497.071	24.169.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.846.833.886	2.440.180.041
Chi phí bằng tiền khác	5.000.000	4.000.000
	12.614.688.978	12.743.590.041

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận trước thuế	27.629.283.460	57.985.313.378
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(341.373.034)	(3.826.840)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu hao	528.000.000	963.242.425
Thu nhập chịu thuế	27.815.910.426	58.944.728.963
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.563.182.085	12.967.840.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.563.182.085	12.967.840.372

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận sau thuế (VND)	22.066.101.375	45.017.473.006
Trích quy khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.350.524.190)	(1.739.185.860)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20.715.577.185	43.278.287.146
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phần)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	691	1.443

THUYẾT MINH VỀ CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG

TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi của Nhà đầu tư		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	122.713.553.814	243.858.012.580
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>122.713.553.814</i>	<i>243.858.012.580</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	5.217.794.603	195.120.516
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>4.459.286.176</i>	<i>89.909.394</i>
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>758.508.427</i>	<i>105.211.122</i>
	127.931.348.417	244.053.133.096

PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Loại phải trả		
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	127.412.786.738	198.804.857.927
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>127.412.786.738</i>	<i>198.804.857.927</i>
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	548.740.000	11.931.700
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	25.417.500
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>-</i>	<i>25.417.500</i>
	127.961.526.738	198.842.207.127

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	3.895.900.000	3.011.282.457

SỐ LIỆU SO SÁNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư số 210/2014/TT-BTC”) và Thông tư số 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư số 334/2016/TT-BTC”), hướng dẫn kế toán áp dụng với công ty chứng khoán. Theo đó, một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC		Theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC		Chênh lệch	
Tên chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Tên chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	(VND)	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
TÀI SẢN		TÀI SẢN			
Tiền	330.457.024.681	Tiền	86.388.091.585	244.068.933.096	Không bao gồm tiền của NĐT
Cộng	330.457.024.681	Cộng	86.388.091.585		
Đầu tư ngắn hạn	126.863.054.577	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	46.363.054.577	-	Đổi tên/Tách tài khoản
		Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	80.500.000.000		
Đầu tư chứng khoán dài hạn	897.376.000	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	897.376.000		
Cộng	127.760.430.577	Cộng	127.760.430.577		
Phải thu khách hàng	10.616.543.876	Các khoản phải thu	181.595.986.759	-	Đổi tên/Phân loại lại
Trả trước cho người bán	1.101.617.200	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	10.368.200.000		
Các khoản phải thu khác	372.326.969.003	Các khoản phải thu khác	269.900.426.420		
		Các khoản cho vay	519.739.709.586		
Tài sản ngắn hạn khác	280.179.432	Tạm ứng	83.205.760		
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	598.530.845.886	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	196.973.672	-	Đổi tên/Phân loại lại
		Trả trước cho người bán	971.653.200		
Cộng	982.856.155.397	Cộng	982.856.155.397		
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.899.298.841)	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(16.467.824.161)	-	Đổi tên/Phân loại lại
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.606.689.931)	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(38.164.611)		
Cộng	(16.505.988.772)	Cộng	(16.505.988.772)		
Tổng cộng				244.068.933.096	

Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC		Theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC		Chênh lệch (VND)	Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Tên chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)		
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
NỢ PHẢI TRẢ		NỢ PHẢI TRẢ			
I. Nợ ngắn hạn					
Phải trả người bán	82.289.800	Phải trả người bán ngắn hạn	2.482.289.800		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	71.913.405.734	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	26.363.743.836		
		Chi phí phải trả ngắn hạn	118.857.149.576		
Chi phí phải trả	121.257.149.576	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	338.735.929		Đổi tên/Phân loại lại/Không phản ánh phải trả tiền gửi ký quỹ của NĐT
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	198.820.657.927				
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.417.500				
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	11.931.700				
Cộng	392.110.852.237	Cộng	148.041.919.141	244.068.933.096	
VỐN CHỦ SỞ HỮU		VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Vốn chủ sở hữu					
Vốn khác của chủ sở hữu	829.800.870	Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	829.800.870	-	
Quỹ dự phòng tài chính	11.198.474.096	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	11.198.474.096	-	
Cộng	12.028.274.966	Cộng	12.028.274.966	-	Đổi tên
Tổng cộng				244.068.933.096	

Xem tiếp trang sau.

Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC		Theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC		Chênh lệch (VND)	Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Năm trước (VND)	Tên chỉ tiêu	Năm trước (VND)		
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
DOANH THU		DOANH THU			
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	81.513.634.238	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	58.603.316.738		
Doanh thu khác	74.750.861.265	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.516.811.984		
		Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	74.364.278.089		
		Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.637.090.555		
		Thu nhập hoạt động khác	7.680.701.345		
		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	3.462.296.792		
Cộng	156.264.495.503	Cộng	156.264.495.503	-	Đổi tên/Phân loại lại

Xem tiếp trang sau.

Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC		Theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC		Chênh lệch (VND)	Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Năm trước (VND)	Tên chỉ tiêu	Năm trước (VND)		
CHI PHÍ		CHI PHÍ			
Chi phí hoạt động kinh doanh	146.826.836.913	Lỗi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	12.380.514.879		
		Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	13.568.525.320		
		Chi phí hoạt động tự doanh	1.629.841.840		
		Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	46.359.633.636		
		Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.405.160.733		
		Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	24.305.007.991		
		Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.685.243.259		
		Chi phí lãi vay	57.601.431.276		
Cộng	146.826.836.913	Cộng	159.935.358.934	(13.108.522.021)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.312.115.361	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	12.743.590.041		
Cộng	26.312.115.361	-	12.743.590.041	13.568.525.320	Đổi tên/Phân loại lại



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng




Mạc Quang Huy
Tổng Giám đốc